

## TỤC THỜ HÙNG VƯƠNG VÀ TÍN NGƯỠNG THỜ TỔ TIÊN

TRẦN LÂM

Tới nay, vua Hùng đã được người Việt ở khắp miền Nam - Bắc nước ta coi là ông tổ của dân tộc. Nhận thức này như một mặc định, đã là người Việt chân chính thì phải tin như vậy, dù cho lòng tin này có thể đã dựa vào tư duy liên tưởng mênh mông. "Hùng Vương" đã vượt qua bao thác ghềnh của lịch sử và xã hội, để trở thành một ngọn đèn sáng soi đường cho người Việt dựng nước và giữ nước.

Trên dòng trôi chảy của lịch sử và xã hội, tộc người chủ thể đi tới đâu thì đem theo tục thờ tổ Hùng Vương tới đó. Các Ngài như một thể lực vừa gần, vừa xa, đã trở thành một bề đỡ tinh thần vừa như hữu hình, vừa như siêu hình dẫn lối chúng ta. Hùng Vương như một ngọn đèn tâm linh, một chân lý tuyệt đối, gọi ta hướng về cội, để rồi từ đó tỏa ra một lời hiệu triệu hội tụ toàn dân mỗi khi đất nước bị lâm nguy. Vậy, Hùng Vương là ai?

Biết bao nhà nghiên cứu, đời nối đời đã mong làm sáng tỏ câu hỏi này. Bởi với lòng kính trọng vô bờ bến, nên hầu như tất cả ít nhiều đều nói đúng - Một sự đúng của lòng người - Tinh thần đó không cho phép bất kể người Việt yêu nước nào có lương tri được quyền bước chệch khỏi con đường mòn muôn thừa ấy. Nhưng ở lĩnh vực văn hóa phi vật thể, ở khía cạnh khoa học thì thực sự Hùng Vương là ai? Phải chăng các Ngài đã gắn với hình bóng của dạng anh hùng văn hóa rồi theo dòng thời gian lịch sử mà chuyển hóa và hội nhập với anh hùng lịch sử. Các Ngài đã là các vị thần thánh tối thượng trong đạo thờ tổ tiên/ông bà của người Việt (?). Nhưng, ngay từ giai đoạn đầu, không hẳn người Việt đã nhất

nhất tôn sùng Hùng Vương một cách mạnh mẽ, mà càng về sau, ý thức này càng sâu đậm, để tới một lúc thích hợp nào đó các Ngài được tôn xưng là ông tổ của người Việt Nam. Theo chúng tôi, tổ Hùng Vương có thể được ra đời từ cuối thời nguyên thủy, sau đó được lịch sử đắp da đắp thịt bằng những huyền thoại, rồi như định hình vào khoảng thế kỷ XIII - XIV, từ đó trở thành vị thủy tổ của dân tộc. Quá trình này cần phải được quan tâm tới mấy giả thiết để làm việc, như sau:

- Một là, đương thời tuy có thể là một thủ lĩnh của liên minh bộ lạc, nhưng không gian ảnh hưởng của các ngài chưa hẳn đã rộng rãi, mà còn bị hạn chế bởi rất nhiều điều kiện khác, như vai trò của Hùng Vương chưa hẳn đã có ảnh hưởng mạnh ở vùng đất thấp đang khai phá, bởi có thể tin được rằng, phải có đồ sắt mới có điều kiện làm chủ được vùng châu thổ sông Hồng. Thông thường, với các người làm công tác văn hóa, nói tới Hùng Vương là người ta nghĩ ngay tới văn hóa đồ đồng Đông Sơn. Nhưng, nếu nói thời Hùng Vương gắn với thời đại văn hóa đồ đồng và đồng thau thì để đúng, còn nói là: văn hóa đồ đồng và đồng thau thuộc thời Hùng Vương thì không hẳn được chấp nhận, thực ra văn hóa đồ đồng Đông Sơn không chỉ có ở Bắc Bộ, mà địa bàn của nền văn hóa này rộng hơn rất nhiều.

- Hai là, thực tế lịch sử đã cho phép chúng ta đưa ra một giả thiết để làm việc là, vào khoảng một vài thế kỷ trước và sau Công nguyên, tuy vai trò thủ lĩnh quân sự thuộc về nam giới đã được khẳng định, nhưng trong quần chúng thì vai trò của Bà Mẹ/nữ giới vẫn

hết sức được đề cao, ở lĩnh vực tâm linh thì từ Mẹ Rừng, qua Bà Mẹ xứ sở/Âu Cơ, rồi tới Man Nương. Còn trong cuộc chống xâm lược giành độc lập đầu tiên của dân tộc là Hai Bà Trưng và nhiều nữ tướng, rồi sau đó là Bà Triệu... Có thể vì thế mà vai trò của Hùng Vương trong tâm trí của quần chúng chưa thực sự chiếm thế thượng phong (lúc đầu ý thức thờ Mẹ/nữ thần còn mạnh).

- Ba là, vai trò của Hùng Vương khi được đẩy lên để mang tính chất một ông tổ chung của cộng đồng dân tộc thì phải được bảo đảm bởi điều kiện nhất định của lịch sử và xã hội. Có nghĩa là, thời điểm được đề cao không phải chỉ vì tôn sùng ông tổ một cách đơn giản (được kết tụ lại và nâng dần lên) có phần tự nhiên. Chúng tôi ngờ rằng, chuyện Hùng Vương chủ yếu được các nhà Nho san định lại có lẽ vào thế kỷ XIII - XIV, thời kỳ mà đất nước bị đứng trước một tai họa vô cùng khốc liệt bởi kẻ xâm lược Nguyên Mông. Và, như từ lý do đó, tổ Hùng Vương được hết sức đề cao, để như một ngọn đèn sáng cho sự đoàn kết cộng đồng dân tộc, nhằm hội tụ sức mạnh toàn dân để bảo vệ nền độc lập. Như thế, việc đẩy Hùng Vương lên thành một ông tổ chung, đã là yêu cầu cấp thiết, nặng yếu tố chính trị, gắn chặt với lịch sử.

- Bốn là, ở lĩnh vực xã hội (thực ra cũng vẫn là lịch sử), đất nước ta, dân tộc ta, không có sự phân hóa xã hội sâu sắc từ sớm, mà nền dân chủ làng xã vẫn tồn tại cho tới tận thế kỷ XX. Đó là một trong những điều kiện để nền kinh tế tư nhân chậm phát triển so với nhiều nước khác. Tất nhiên, nền kinh tế tư nhân (nhất là ít nhiều có gắn với thương mại) khi có chân đứng vững chắc trong xã hội, thì kéo theo các tổ chức nghề nghiệp phi nông phát triển, tiến tới việc tách dần với kinh tế nông nghiệp cổ truyền. Theo đó là dòng họ ở nông thôn cũng được khẳng định mạnh mẽ hơn, có câu "một giọt máu đào hơn ao nước lã", để dần dần các ngôi nhà thờ họ xuất hiện trong không gian thôn xã. Tới nay, chúng ta chưa tìm được một nhà thờ họ nào có niên đại từ đầu thế kỷ XVII trở về trước. Rõ ràng là khi nền kinh tế tư nhân phát triển tới một mức nào đó, thì dòng họ cũng như được củng cố, kéo

theo là việc thờ tổ tiên của dòng họ đó cũng được định hình bởi ngôi nhà thờ chung. Như vậy, vấn đề thờ Quốc tổ và việc thờ tổ tiên của từng dòng họ đều theo yêu cầu phát triển của lịch sử mà hình thành, tồn tại và phát triển... Song, ban thờ tổ tiên phát triển từ sơ khai qua thời kỳ giản đơn tới hoàn chỉnh như ngày nay là cả một quá trình va đập của nhiều dòng văn hóa (như văn hóa Trung Hoa) trong sự phát triển lịch sử (với sự phân hóa xã hội và cả nền kinh tế chung). Sự tương quan giữa Nhà - Làng - Nước trong một thể có phần thống nhất cũng đã kéo việc thờ cúng tổ tiên gắn với việc thờ tổ làng (chủ yếu là Thành hoàng làng), tổ nghề và cao hơn là Quốc tổ Hùng Vương. Bên cạnh nét chung ấy, thì Quốc tổ Hùng Vương còn được nảy sinh, phát triển rộng khắp bởi một yêu cầu có tính chất chính trị, đó là khi tổ quốc lâm nguy, Ngai đã trở thành một ngọn tuế đặng hội tụ lòng yêu quê hương xứ sở để đồng tâm bảo vệ nền độc lập dân tộc. Tuy nhiên, nếu xét theo chiều lịch sử thì có một nghi vấn đặt ra là, khởi đầu trong thời nguyên thủy và Hán thuộc, tục thờ tổ tiên chung của cả dòng họ như không được mạnh mẽ lắm. Người Việt thực sự chỉ có "họ" khi người Hán xâm lược. Và, chính bởi sự bành bạc về dòng họ dựa trên bề dề của nền kinh tế tiểu nông mà dần dần câu: "bán anh em xa mua láng giềng gần" đã hình thành. Câu nói này cũng còn được củng cố bởi tập tục làng xã. Có lẽ chỉ tới khi nền kinh tế thủ công nghiệp và thương nghiệp phát triển tới một mức độ nào đó (khoảng từ thế kỷ XVI, nhất là từ thế kỷ XVII trở về sau) thì dòng họ mới được củng cố hơn một bước, với sự ra đời của nhiều nhà thờ họ (từ những dòng họ lớn đã thoát ly khỏi nông nghiệp - như họ của vua, đại thần và một số quan lại). Như thế, trong buổi đầu, có thể người Việt cũng chỉ thờ cúng tổ tiên một cách nhẹ nhàng như của nhiều tộc người thiểu số hiện nay (ban thờ trong nhà chủ yếu là thần bảo hộ, nhiều tộc người còn có lễ bỏ mả - sau khi chết vài năm, rồi đi tới đoạn tuyệt...). Mặt khác, trong suốt chặng dài của lịch sử, một phần do luôn bị đe dọa xâm lược của đế quốc khổng lồ Hán mà đã thúc đẩy cho sự cố kết cộng đồng ngày

một mạnh hơn. Chúng ta tạm hiểu rằng, việc thờ Quốc tổ và tổ tiên như đã nương nhau mà tồn tại và phát triển. Song, Quốc tổ thì của cả nước, còn tổ tiên vừa gần và luôn ở bên cạnh các thành viên trong gia đình. Ông bà, cha mẹ khi khuất núi đều trở thành các vị thần bảo hộ trực tiếp của con cháu. Đó là điều kiện cơ bản để tục thờ cúng tổ tiên ngày càng phát triển mạnh mẽ. Bàn thờ tổ tiên là một trọng điểm của sinh hoạt tâm linh, nơi thờ như một cõi thiêng liêng thuộc tầng trên, tuy xa (theo phân định thế giới) mà lại rất gần (gắn với tình cảm và ước nguyện), tổ tiên không bao giờ "phản bội" con cháu, mà với một tinh thần vị tha, thương yêu vô bờ bến, ông bà luôn gần gũi, luôn dùng siêu lực vô hình mà bảo vệ và nâng đỡ con cháu, đồng cam cộng khổ trong hoạn nạn, tai ương.

Vào khoảng đầu thế kỷ XVIII, nạn kiêm tính ruộng đất của địa chủ ở châu thổ Bắc Bộ đã là một nguyên nhân chính dẫn tới gần hết cả một thế kỷ bị chìm trong cuộc chiến tranh nông dân, ruộng công bị cạn mòn, người cày không có ruộng... khiến hàng chục vạn nông dân phải xuất tở ly tông, đi tha phương cầu thực. Một điều như tất yếu là, họ theo con đường Nam tiến, góp phần khai phá châu thổ Nam Bộ. Ở lĩnh vực tinh thần là, những người vô cùng nghèo khổ, trên quê hương gốc, họ không có điều kiện (nhất là về kinh tế) để có thể thường xuyên theo bất kể một tôn giáo, tín ngưỡng nào (như đạo Phật, đạo Mẫu...). Như thế, hành trang tâm linh trên dặm trường tại vùng đất mới, hầu như không có gì ngoài ông bà tổ tiên. Tới Nam Bộ, phần nào họ giải thoát được những nỗi cơ cực thuộc lĩnh vực ăn, mặc, ở... Nhưng, cũng từ chỗ không phải lo tới cuộc sống vật chất của đời thường nữa, thì một trở trêu mới nảy sinh và như một điều tất yếu là, họ phải "lục vấn tinh thần" với cái mở hành

trang đơn cõi của mình, họ cảm thấy bị hụt hẫng. Từ đó có nhiều biến tướng tiêu cực thuộc tín ngưỡng được nảy sinh. Một cụ thể, đó là hiện tượng ông Đạo, mà theo chúng tôi, đỉnh cao của nó là tín ngưỡng Cao Đài, Hòa Hảo. Mặt khác, dù cho trước đó họ bị nghèo đói đến mấy, thì việc thờ cúng tổ tiên, ông bà vẫn luôn được thực hiện, có khi quá nghèo, chỉ cần một bát nước trong, một nén hương với tấm lòng thành kính đã đủ để "tâm xuất quỷ thần tri" và linh hồn của bố mẹ với một tình thương bao la sẽ cứu giúp họ. Tới nay, điều kiện khá giả hơn, trong hành trang tinh thần chủ yếu chỉ có tổ tiên. Vì thế, việc đẩy ông bà lên đến đỉnh cao của sinh hoạt tâm linh là điều tất yếu, tới đây, "đạo Ông Bà" hình thành và phát triển (dù cho tục thờ cúng tổ tiên đã sớm có từ quê gốc). Song, lại một "trở trêu" khác của lịch sử là, nhu cầu sinh hoạt tâm linh ngày một cao hơn, cùng với sự tồn tại, phát triển của những nghề phi nông và sự đan xen của các tộc người mà nhiều thần linh ở các phương trời xa lạ đã được cấy vào đồng bằng Nam Bộ. Đồng thời, với ý thức người có gốc như cây có cội, nhất là khi nền độc lập dân tộc có nguy cơ bị đe dọa, thì vị tổ cội nguồn lại được xuất hiện, để trở thành một cái nhân cơ bản cho sự tập hợp lực lượng. Và, tới nay, đền thờ Hùng Vương đã được dựng ở nhiều nơi trên mọi miền đất nước.

Hùng Vương là một ông tổ cội nguồn, một mẫu mực về vị tổ tiên vĩ đại để nâng đỡ một dân tộc luôn bị va đập bởi thác ghềnh của lịch sử và xã hội. Từ Hùng Vương - một mặt trời chân lý, soi rọi vào tục thờ cúng tổ tiên của mọi người dân Việt. Ngược lại, từ tục thờ cúng tổ tiên, cũng đã thúc đẩy cho việc thờ Quốc tổ ngày một cao đẹp và ý nghĩa hơn./.

T.L.

#### TRẦN LÂM: THE WORSHIP OF HUNG KINGS AND ANCESTOR WORSHIP

From the important role of Hung kings in the spiritual life of Viet people, the author puts forwards and decode the up and down of the worship of national ancestor, and take it as a premise for the ancestor worship on the rough way of history. One of interested ideas is the ancestor worship of people in the south of Vietnam. Basically, according to the author, there are some close links between the worship of Hung kings and ancestor worship.